



HAI MINH

HAI MINH CORPORATION

C.TY CỔ PHẦN HẢI MINH

561A Điện Biên Phủ - P.25 - Q.Bình Thạnh – TP.HCM

Tel: 08.3512 8668

Fax: 08.3512 8688

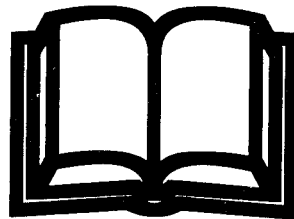
haiminhgroup@vnn.vn

www.haiminh.com.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÍ 2 NĂM 2016

(MÃ CK : HMH)



Tp. HCM, ngày 27 tháng 07 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU B 01a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		84.973.612.896	68.384.547.540
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	22.076.112.589	38.046.478.624
1. Tiền	111		7.076.112.589	5.263.441.957
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	32.783.036.667
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		200.000.000	1.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	200.000.000	1.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		61.220.297.657	27.982.652.836
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	26.221.215.560	13.100.527.638
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	34.999.082.097	14.882.125.198
IV. Hàng tồn kho	140		364.533.330	-
Hàng tồn kho	141	V.5	364.533.330	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.112.669.320	1.355.416.080
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	807.545.342	557.488.384
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9	305.123.978	797.927.696
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		187.630.499.256	180.489.229.369
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.497.088.000	997.088.000
Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	1.497.088.000	997.088.000
II. Tài sản cố định	220		35.044.685.019	37.102.810.645
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	34.452.716.126	36.503.849.994
Nguyên giá	222		46.751.952.747	48.911.312.583
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.299.236.621)	(12.407.462.589)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	591.968.893	598.960.651
Nguyên giá	228		601.291.237	601.291.237
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.322.344)	(2.330.586)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	362.000.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	-	362.000.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	149.190.539.451	141.029.539.451
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10a	118.145.320.000	109.184.320.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.10b	26.045.219.451	26.045.219.451
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.10c	5.800.000.000	5.800.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(800.000.000)	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.898.186.786	997.791.273
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	1.898.186.786	997.791.273
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		272.604.112.152	248.873.776.909

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		20.348.558.623	9.509.612.435
I. Nợ ngắn hạn	310		20.082.737.570	9.205.591.382
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	14.836.192.435	5.122.975.195
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	712.361.852	1.423.239.045
3. Phải trả người lao động	314		675.697.670	7.694.137
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		68.000.000	93.909.090
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13a	1.866.190.647	2.093.922.111
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.14	1.924.294.966	463.851.804
II. Nợ dài hạn	330		265.821.053	304.021.053
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.13b	168.068.000	198.068.000
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342		97.753.053	105.953.053
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		252.255.553.529	239.364.164.474
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	252.255.553.529	239.364.164.474
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		131.998.470.000	131.998.470.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>131.998.470.000</i>	<i>131.998.470.000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.840.984.271	5.860.984.271
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.614.442.869	6.614.442.869
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		107.801.656.389	94.890.267.334
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>85.616.915.098</i>	<i>50.387.972.163</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>22.184.741.291</i>	<i>44.502.295.171</i>
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		272.604.112.152	248.873.776.909

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 7 năm 2016



NGUYỄN THẾ HÙNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THÀNH VĂN
Kế toán trưởng

NGUYỄN THÀNH VĂN
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

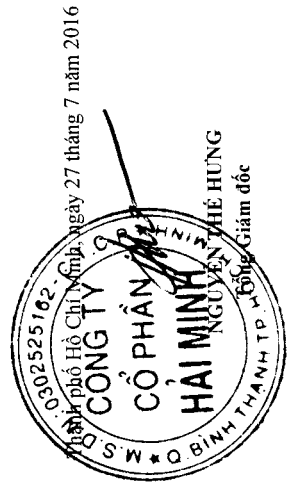
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 Năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 2 Năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II năm 2016		Quý II năm 2015		Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016		Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	
			10,920,665,502	17,605,636,209	22,488,260,213	33,848,015,614				
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	10,920,665,502	17,605,636,209	22,488,260,213	33,848,015,614				
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3,510,000		3,510,000					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		10,917,155,502	17,605,636,209	22,484,750,213	33,848,015,614				
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	8,054,942,401	14,136,102,186	17,427,654,673	28,126,726,564				
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2,862,213,101	3,469,534,023	5,057,095,540	5,721,289,050				
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	20,358,074,410	15,595,552,086	20,572,247,248	15,803,971,388				
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	838,508,893	55,638,331	851,864,564	75,462,987				
Trong đó: Chi phí lãi vay	23									
8. Chi phí bán hàng	25									
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	1,024,287,701	1,044,003,894	2,053,290,965	1,911,818,759				
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21,357,490,917	17,965,443,884	22,724,187,259	19,537,978,692				
11. Thu nhập khác	31		1,520,000,000	289,978,883	2,892,727,273	289,978,883				
12. Chi phí khác	32		1,482,112,668	-	2,814,154,018	-				
13. Lợi nhuận khác	40	VI.6	37,887,332	289,978,883	78,573,255	289,978,883				
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21,395,378,249	18,255,422,767	22,802,760,514	19,827,957,575				
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		335,662,770	1,019,086,620	618,019,223	1,019,086,620				
16. Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52									
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		21,059,715,479	17,236,336,147	22,184,741,291	18,808,870,955				



NGUYỄN THÁNH VÂN
Kế toán trưởng

NGUYỄN THÁNH VÂN
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 năm 2016

MẪU B 03a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		22.782.760.514	19.827.957.565
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		2.295.171.244	2.326.500.226
- Các khoản dự phòng	03		800.000.000	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		913.099	(63.211.319)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(20.352.367.148)	(15.918.773.391)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.526.477.709	6.172.473.081
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(13.500.766.702)	634.005.278
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(364.533.330)	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		7.726.561.751	6.493.624.733
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.150.452.471)	(69.477.965)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(442.999.311)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.499.048.222)	(1.243.932.019)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.261.761.265)	11.543.693.797
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.689.199.636)	(4.265.500.327)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.892.727.273	90.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(8.150.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	5.447.682.273
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(8.961.000.000)	(7.200.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		800.000.000	1.800.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		529.719.492	899.214.817
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.427.752.871)	(11.378.603.237)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	186.359.755
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.279.938.800)	(6.958.920.830)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.279.938.800)	(6.772.561.075)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(15.969.452.936)	(6.607.470.515)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		38.046.478.624	20.734.099.149
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(913.099)	63.211.319
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		22.076.112.589	14.189.839.953

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 7 năm 2016

NGUYỄN THẾ HÙNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THÀNH VĂN
Kế toán trưởng

NGUYỄN THÀNH VĂN
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2016

MẪU B 09a-DN

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính Quý II năm 2016 của Công ty Cổ phần Hải Minh (gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần

2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại - Dịch vụ

3. **Ngành, nghề kinh doanh** :

Sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông – đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy – đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp.

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

5. **Cấu trúc của Công ty**

Công ty có các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	Dịch vụ Tiếp vận	96,08%	96,08%
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	Dịch vụ Tiếp vận	100,00% (trong đó: 99,92% trực tiếp và 0,08% gián tiếp)	100,00%
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Minh	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	100,00% (trong đó: 99,00% trực tiếp và 1,00% gián tiếp)	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Hải Phòng				

Công ty có công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH "K" Line Việt Nam	60A Nguyễn Chí Thanh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Dịch vụ Tiếp vận	25,00%	25,00%
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ Tiếp vận	49,00%	49,00%
Công ty Cổ phần Hàng Hải Hưng Phú	21/4 Liên Phường, Phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ Tiếp vận	40,00%	40,00%

6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 63 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 57 người).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính Quý II thuộc kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, đây là kỳ kế toán thứ 15 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Áp dụng hướng dẫn Chế độ kế toán mới và thay đổi chính sách kế toán

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính. Các Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015 trở đi. Thông tư 200 thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần III - Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán số 25 “Báo cáo tài chính và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”.

Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng các Thông tư nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Quý II năm 2016.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được trình bày trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu, tài sản tài

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, phải thu về cho vay ngắn hạn và phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán ngắn hạn, chi phí phải trả ngắn hạn, phải trả ngắn hạn khác, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn và dự phòng phải trả ngắn hạn.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, như: Phải thu bảo hiểm; phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia; tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày lập Báo cáo. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm lập Báo cáo do giá trị hàng tồn kho dự kiến bị

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tồn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời,...) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho của Công ty. Tăng và giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 – 25
Máy móc thiết bị	3 - 12
Phương tiện vận tải	3 - 10
Thiết bị văn phòng	3 – 8
Tài sản khác	5 - 10

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất; đối với những lô đất không xác định thời hạn, lâu dài Công ty không trích khấu hao.

Phần mềm kế toán

Phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày lập Báo cáo.

Chi phí mua sắm tài sản cố định

Chi phí mua sắm tài sản cố định phản ánh giá mua và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt, chạy thử,... tài sản trước khi đưa vào sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng và chi phí lãi vay liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại thời điểm lập Báo cáo.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo,.. tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển chi phí vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị nhỏ)/ chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển vào “Chi phí trả trước dài hạn” để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất kinh doanh).

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện chi phí Công cụ dụng cụ và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

Các chi phí khác bao gồm chi phí sửa chữa, chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 2 năm.

11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, Công ty tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo Đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.
- Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

13. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi ngân hàng

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận khi tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoài trừ cổ tức ghi nhận bằng cổ phiếu chi theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

15. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một Cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

16. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành thêm trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

17. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số dư 30/6/2016</u>	<u>Số dư 01/01/2016</u>
Tiền mặt	279.592.715	30.484.414
Tiền gửi ngân hàng	6.796.519.874	5.232.957.543
Các khoản tương đương tiền	15.000.000.000	32.783.036.667
Cộng	<u>22.076.112.589</u>	<u>38.046.478.624</u>

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**b) Dài hạn**

Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn	200.000.000	1.000.000.000
Cộng	<u>200.000.000</u>	<u>1.000.000.000</u>

3. Phải thu của khách hàng

Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	5.404.781.854	2.411.895.646
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	3.081.821.368	1.206.996.872
Công ty CP Hàng hải Hưng Phú	2.031.443.100	2.031.443.100
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	1.400.000.000	-
Công ty TNHH TM An Hoàng Đạt XD	-	1.781.900.000
Công ty TNHH Hapag - Lloyd (Việt Nam)	1.143.377.810	1.902.392.030
Samudera Shipping Line Ltd.	10.356.868.401	781.886.403
Công ty CP Tiếp Vận Phước Tạo	351.700.000	295.000.000
Công ty TNHH Giao Nhận Biển Xanh	333.600.000	43.200.000
CN Công ty TNHH Giao Nhận Vận tải Hà Thành - Hanotrans Hải Phòng	329.042.400	-
Khách hàng khác	1.788.580.627	2.645.813.587
Cộng	<u>26.221.215.560</u>	<u>13.100.527.638</u>
(* Phải thu bên liên quan)	<u>11.918.046.322</u>	<u>5.650.335.618</u>

4. Phải thu khác

	<u>Số dư 30/6/2016</u>		<u>Số dư 01/01/2016</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
a) Ngắn hạn	34.999.082.097	-	14.882.125.198	-
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh</i>	9.904.906.187	-	7.711.277.416	-
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</i>	3.045.083.227	-	2.350.000	-
<i>Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)</i>	17.312.150.164	-	6.352.378.277	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.964.725.916	-	631.157.487	-
Tạm ứng nhân viên	382.161.808	-	184.962.018	-
Lãi dự thu	140.054.795	-	-	-
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	250.000.000	-	-	-
b) Dài hạn	1.497.088.000	-	997.088.000	-
Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn	1.497.088.000	-	997.088.000	-
Cộng (*)	<u>36.496.170.097</u>	-	<u>15.879.213.198</u>	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Phải thu khác bên liên quan	30.262.139.578	14.066.005.693
5. Hàng tồn kho		
	Số dư 30/6/2016	Số dư 01/01/2016
Nguyên liệu, vật liệu	91.367.554	-
Công cụ, dụng cụ	17.912.000	-
Hàng hóa	255.253.776	-
Cộng	364.533.330	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần của hàng tồn kho	364.533.330	-
6. Chi phí trả trước		
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	807.545.342	557.488.384
Chi phí sửa chữa	315.631.640	354.035.290
Các chi phí trả trước ngắn khác	491.913.702	203.453.094
b) Chi phí trả trước dài hạn	1.898.186.786	997.791.273
Chi phí văn phòng	652.989.582	771.434.388
Chi phí sửa chữa	232.621.439	172.053.848
Chi phí khác	1.012.575.765	54.303.037
Cộng	2.705.732.128	1.555.279.657

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý II năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Tài sản cố định hữu hình**

Tình hình biến động tài sản cố định hữu hình trong kỳ như sau:

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số dư 01/01/2016	14.505.410.057	30.127.040.235	225.734.018	4.053.128.273	48.911.312.583
Tăng trong kỳ	-	3.051.199.636	-	-	3.051.199.636
Giảm trong kỳ	-	5.210.559.472	-	-	5.210.559.472
Số dư 30/06/2016	14.505.410.057	27.967.680.399	225.734.018	4.053.128.273	46.751.952.747
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư 01/01/2016	56.222.518	10.727.686.720	172.415.073	1.451.138.278	12.407.462.589
Tăng trong kỳ	168.667.554	1.751.726.435	16.955.309	350.830.188	2.288.179.486
Giảm trong kỳ	-	2.396.405.454	-	-	2.396.405.454
Số dư 30/6/2016	224.890.072	10.083.007.701	189.370.382	1.801.968.466	12.299.236.621
Giá trị còn lại					
Số dư 01/01/2016	14.449.187.539	19.399.353.515	53.318.945	2.601.989.995	36.503.849.994
Số dư 30/06/2016	14.280.519.985	17.884.672.698	36.363.636	2.251.159.807	34.452.716.126
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:					
Tại 01/01/2016	-	3.432.547.572	172.415.073	-	3.604.962.645
Tại 30/06/2016	-	4.765.663.936	208.778.709	-	4.974.442.645

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Tài sản cố định vô hình**

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng

	Quyền sử dụng đất (*)	Cộng
Nguyên giá		
Số dư 01/01/2016	601.291.237	601.291.237
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư 30/06/2016	601.291.237	601.291.237
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư 01/01/2016	2.330.586	2.330.586
Tăng trong kỳ	6.991.758	6.991.758
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư 30/06/2016	9.322.344	9.322.344
Giá trị còn lại		
Số dư 01/01/2016	598.960.651	598.960.651
Số dư 30/06/2016	591.968.893	591.968.893

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số dư 30/6/2016	Số dư 01/01/2016
Các công trình khác	-	362.000.000
Cộng	-	362.000.000

10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Chỉ tiêu	Số dư 30/6/2016			Số dư 01/01/2016		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết						
Đầu tư vào các công ty con (a)	118.145.320.000	-	118.145.320.000	109.184.320.000	-	109.184.320.000
Đầu tư vào các công ty liên kết (b)	26.045.219.451	800.000.000	25.245.219.451	26.045.219.451	-	26.045.219.451
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (c)	5.800.000.000	-	5.800.000.000	5.800.000.000	-	5.800.000.000
Cộng	149.990.539.451	800.000.000	149.190.539.451	141.029.539.451	-	141.029.539.451

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**(a) Đầu tư vào các Công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau:

Tên các công ty con	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	30/6/2016			1/1/2016				
			Tỷ lệ phần sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh (ia)	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa	96,08%	34.604.120.000	-	34.604.120.000	96,08%	34.604.120.000	-	34.604.120.000
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh (iia)	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa	100,00%	45.961.200.000	-	45.961.200.000	100,00%	45.961.200.000	-	45.961.200.000
Công ty TNHH DV Hàng hải Hải Minh(iia)	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa								
Cộng				37.580.000.000	-	37.580.000.000	100,00%	28.619.000.000	-	28.619.000.000
				118.145.320.000	-	118.145.320.000		109.184.320.000	-	109.184.320.000

(ia) Đầu tư vào Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát với giá trị vốn góp là 34.604.120.000 VND, chiếm tỷ lệ 96,08% vốn điều lệ của công ty này. Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát có trụ sở tại Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng hoạt động kinh doanh chính là dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa. Trong kỳ, Công ty đã ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính liên quan đến khoản lợi nhuận hoạt động sản xuất, kinh doanh từ Công ty này với số tiền là 3.389.410.727 VND(6 tháng đầu năm 2015: 7.010.742.133 VND).

(iia) Đầu tư vào Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh với giá trị vốn góp là 45.961.200.000VND, chiếm tỷ lệ 100% vốn điều lệ của công ty này. Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh có trụ sở tại Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng hoạt động kinh doanh chính dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa. Trong kỳ, Công ty đã ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính liên quan đến khoản lợi nhuận hoạt động sản xuất, kinh doanh từ Công ty này với số tiền là 4.846.391.787VND (6 tháng đầu năm 2015: 7.623.254.549VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Quý II năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(iii) Đầu tư vào Công ty TNHH DV Hàng hải Hải Minh với giá trị vốn góp là 37.580.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 100% vốn điều lệ của công ty này. Công ty TNHH DV Hàng hải Hải Minh có trụ sở tại Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng hoạt động kinh doanh chính là là dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa.

b) Đầu tư vào các Công ty liên kết

Tên các công ty liên kết	Địa chỉ	Ngành, kinh doanh chủ yếu	30/6/2016			31/12/2015				
			Tỷ lệ phần sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	60A Nguyễn Chí Thanh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội	Cung cấp dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa bằng đường biển	25,00%	18.175.783.651	-	18.175.783.651	25,00%	18.175.783.651	-	18.175.783.651
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh (iib)	Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ thông quan. Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa. Dịch vụ vận tải đường bộ	49,00%	7.069.435.800	-	7.069.435.800	49,00%	7.069.435.800	-	7.069.435.800
Công ty CP Hàng hải Hưng Phú (iiib)	21/4 Liên Phường, Phường Phú Hữu, Quận 9, TP Hồ Chí Minh	Giao nhận hàng hóa. Dịch vụ tàu biển. Dịch vụ đại lý vận tải đường biển. Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan	40,00%	800.000.000	800.000.000	-	40,00%	800.000.000	-	800.000.000
Cộng				26.045.219.451	800.000.000	25.245.219.451		26.045.219.451	-	26.045.219.451

(ib) Đầu tư vào Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam) với giá trị vốn góp là 18.175.783.651 VND, chiếm tỷ lệ 25% vốn điều lệ của công ty này. Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam) có trụ sở tại 60A Nguyễn Chí Thanh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội hoạt động kinh doanh chính là cung cấp dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa bằng đường biển. Trong kỳ, Công ty đã ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính liên quan đến khoản lợi nhuận hoạt động sản xuất, kinh doanh từ Công ty này với số tiền là 10.959.771.887 VND (6 tháng đầu năm 2015: 0 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý II năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(iib) Đầu tư vào Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh với giá trị vốn góp là 7.069.435.800 VND, chiếm tỷ lệ 49% vốn điều lệ của công ty này. Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh có trụ sở tại Số 1, đường Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP Hồ Chí Minh hoạt động kinh doanh chính là dịch vụ thông quan, dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa, dịch vụ vận tải đường bộ.

(iiib) Đầu tư vào Công ty CP Hàng hải Hưng Phú với giá trị vốn góp là 800.000.000VND, chiếm tỷ lệ 40% vốn điều lệ của công ty này. Công ty CP Hàng hải Hưng Phú có trụ sở tại 21/4 Liên Phường, Phường Phú Hữu, Quận 9, TP Hồ Chí Minh hoạt động kinh doanh chính là giao nhận hàng hóa, dịch vụ tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan. Tại ngày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá vào đầu tư vào Công ty CP Hàng hải Hưng Phú tương ứng với khoản lỗ đầu tư vào công ty với số tiền là 800.000.000 VND (6 tháng đầu năm 2015: 0 VND).

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được xác định như sau:

- Đối với các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị niêm yết, giá hợp lý của khoản đầu tư là giá đóng cửa của niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Phải trả người bán**

	Số dư 30/6/2016		Số dư 01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	513.870.000	513.870.000	268.800.000	268.800.000
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	2.549.000	2.549.000	12.078.150	12.078.150
Công ty CP Hàng hải Hưng Phú	17.240.000	17.240.000	17.240.000	17.240.000
Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn	1.199.135.920	1.199.135.920	1.977.928.060	1.977.928.060
Công ty dịch vụ & Vận tải biển Vũng Tàu-XN Hoa tiêu hàng Hải VT	474.363.772	474.363.772	84.992.740	84.992.740
Công ty TNHH Hoa Tiêu KV1	638.387.378	638.387.378	146.662.563	146.662.563
Công ty TNHH MTV Hoa Tiêu Tân Cảng	974.747.599	974.747.599	536.618.487	536.618.487
Công ty TNHH Cảng Phước Long	258.645.629	258.645.629	427.363.089	427.363.089
Samudera Shipping Line Ltd.	9.663.266.273	9.663.266.273	-	-
Khách hàng khác	1.093.986.864	1.093.986.864	1.651.292.106	1.651.292.106
Cộng	14.836.192.435	14.836.192.435	5.122.975.195	5.122.975.195
Phải trả người bán bên liên quan	533.659.000		298.118.150	

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số dư 01/01/2016	Số phải nộp	Số đã nộp	Số dư 31/3/2016
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước	(797.927.696)	1.864.568.178	1.371.764.460	(305.123.978)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.142.034.057	618.019.223	1.482.047.557	278.005.723
Thuế thu nhập cá nhân	186.806.153	485.506.933	301.475.010	370.838.076
Thuế nhà thầu	94.398.835	484.593.543	515.474.325	63.518.053
- Thuế TNDN	50.959.779	243.035.437	258.849.190	35.146.026
- Thuế GTGT	43.439.056	241.558.106	256.625.135	28.372.027
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	625.311.349	3.452.687.877	3.670.761.352	407.237.874

Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán:

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (*)	797.927.696	305.123.978
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.423.239.045	712.361.852

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng :

+ Dịch vụ trong nước : 10%

+ Dịch vụ cước vận tải quốc tế : 0%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem Thuyết minh số VI.7

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác theo các qui định hiện hành.

13. Phải trả khác

	Số dư 30/6/2016	Số dư 01/01/2016
a) Phải trả ngắn hạn khác	1.866.190.647	2.093.922.111
Kinh phí công đoàn	-	90.118.730
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.866.190.647	2.003.803.381
b) Phải trả dài hạn khác	168.068.000	198.068.000
Tài xế - Nhận ký quỹ dài hạn	168.068.000	198.068.000
Cộng(*)	2.034.258.647	2.291.990.111

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	Sử dụng các quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	138.225.132	2.498.975.171	1.171.019.802	1.466.180.501
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	325.626.672	1.663.939.765	1.531.451.972	458.114.465
Cộng	463.851.804	4.162.914.936	2.702.471.774	1.924.294.966

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Vốn chủ sở hữu****Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong kỳ và năm trước**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
01/01/2015	100.000.000.000	2.959.478.445	(694.034.275)	7.347.867.524	-	80.358.937.715	189.972.249.409
Tăng vốn trong năm trước	31.998.470.000	2.779.741.555	-	(733.424.655)		(11.305.566.900)	22.739.220.000
Bán cổ phiếu quỹ		(44.273.318)	673.712.109			-	629.438.791
Lãi trong năm trước	-	-	-	-		44.502.295.171	44.502.295.171
Trích lập các quỹ	-	-	-	-		(3.706.477.822)	(3.706.477.822)
Chia cổ tức trong năm						(14.958.920.830)	(14.958.920.830)
Giảm khác	-	166.037.589	20.322.166	-			186.359.755
31/12/2015	131.998.470.000	5.860.984.271	-	6.614.442.869	-	94.890.267.334	239.364.164.474
01/01/2016	131.998.470.000	5.860.984.271	-	6.614.442.869	-	94.890.267.334	239.364.164.474
Tăng vốn trong năm						-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-		22.184.741.291	22.184.741.291
Chia cổ tức trong năm (*)	-	-	-	-		(5.279.938.800)	(5.279.938.800)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-		(3.993.413.436)	(3.993.413.436)
Giảm khác	-	(20.000.000)	-	-			(20.000.000)
30/6/2016	131.998.470.000	5.840.984.271	-	6.614.442.869	-	107.801.656.389	252.255.553.529

Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01-2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2016, bao gồm: chia cổ tức 12%; trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi 7% Lợi nhuận hợp nhất; trích quỹ hoạt động Hội đồng quản trị 5% Lợi nhuận hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	Tại 31/3/2016	Tại 01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.200.000	13.200.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	13.199.847	13.199.847
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.199.847</i>	<i>13.199.847</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.199.847	13.199.847
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.199.847</i>	<i>13.199.847</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý II năm 2016	Quý II năm 2015	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Tổng doanh thu				
Dịch vụ vận tải	3.860.756.392	10.809.923.121	8.366.651.003	21.282.874.555
Dịch vụ khai thác kho bãi	3.194.881.639	3.054.293.771	7.404.822.993	5.872.729.239
Dịch vụ đại lý container	3.663.103.992	3.741.419.317	6.311.349.054	6.692.411.820
Dịch vụ cho thuê văn phòng	201.923.479	-	405.437.163	-
Cộng	10.920.665.502	17.605.636.209	22.488.260.213	33.848.015.614

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn dịch vụ vận tải	3.819.013.063	9.928.991.636	7.921.490.879	19.930.121.544
Giá vốn khai thác kho bãi	2.642.256.988	2.845.841.867	6.190.887.301	5.681.402.488
Giá vốn đại lý container	1.453.559.662	1.361.268.683	3.033.460.912	2.515.202.532
Giá vốn cho thuê phòng	140.112.688	-	281.815.581	-
Cộng	8.054.942.401	14.136.102.186	17.427.654.673	28.126.726.564

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Quý II năm 2016	Quý II năm 2015	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Lãi đầu tư từ Công ty liên kết	10.959.771.887	-	10.959.771.887	-
Lãi đầu tư từ Công ty con	8.235.802.514	14.633.996.682	8.235.802.514	14.633.996.682
Lãi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	548.500.000	400.821.918	548.500.000	550.000.000
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	140.054.795	-	140.054.795	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	437.370.092	150.821.406	529.719.492	185.278.548
Lãi cho vay	-	258.879.033	-	258.879.033
Lãi chênh lệch tỷ giá thanh toán	36.575.122	151.033.047	158.398.560	175.817.125
Cộng	20.358.074.410	15.595.552.086	20.572.247.248	15.803.971.388

4. Chi phí tài chính

Chi phí dự phòng đầu tư tài chính	800.000.000	-	800.000.000	-
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	913.099	-	913.099	-
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	37.595.794	55.638.331	50.951.465	75.462.987
Cộng	838.508.893	55.638.331	851.864.564	75.462.987

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	574.931.753	566.062.868	1.109.454.963	929.028.364
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	26.442.249	8.034.091	52.884.498	35.250.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	30.438.971	16.772.982	46.745.717	22.867.082
Chi phí khấu hao	77.848.983	53.198.140	174.705.534	100.653.860
Thuế, phí và lệ phí	150.768	6.091.564	6.022.579	11.612.478
Chi phí dịch vụ mua ngoài	272.514.764	386.611.833	591.842.070	767.548.198
Chi phí bằng tiền khác	41.960.213	7.232.416	71.635.604	44.858.777
Cộng	1.024.287.701	1.044.003.894	2.053.290.965	1.911.818.759

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Lợi nhuận khác

	Quý II năm 2016	Quý II năm 2015	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Thanh lý tài sản cố định	1.520.000.000	289.978.883	2.892.727.273	289.978.883
Thu nhập khác	1.520.000.000	289.978.883	2.892.727.273	289.978.883
Giá trị còn lại tài sản thanh lý	1.482.112.668	-	2.814.154.018	-
Chi phí khác	1.482.112.668	-	2.814.154.018	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	37.887.332	289.978.883	78.573.255	289.978.883

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu	506.237.049	940.286.117	1.078.046.154	1.919.267.824
Chi phí nhân viên	2.994.352.753	2.918.771.695	5.738.455.517	4.778.268.427
Chi phí khấu hao	1.077.378.270	1.189.592.042	2.295.171.244	2.326.500.226
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.062.436.935	9.504.635.905	9.170.702.964	19.660.717.632
Chi phí bằng tiền khác	438.825.095	626.820.321	1.198.569.759	1.353.791.214
Cộng	9.079.230.102	15.180.106.080	19.480.945.638	30.038.545.323

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan***Giao dịch với bên liên quan***Bên liên quan**

Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát
 Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh
 Công ty TNHH Dịch vụ Hàng Hải Hải Minh
 Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh
 Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam) - "K" Line TP
 HCM
 Công ty Cổ phần Hàng Hải Hưng Phú

Mối quan hệ

Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết

Trong kỳ, Công ty có phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát		
Cung cấp dịch vụ	1.272.727.273	-
Chi phí dịch vụ đã sử dụng	10.749.910	-
Lợi nhuận được chia	3.389.410.727	7.010.742.133
Lãi cho vay	-	148.234.590
Tặng vốn từ nợ cho vay	-	3.093.377.867
Tặng vốn từ lợi nhuận được chia	-	7.010.742.133
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh		
Chi phí dịch vụ đã sử dụng	631.881.818	3.735.989.999
Lãi cho vay	-	110.644.443
Lợi nhuận được chia	4.846.391.787	7.623.254.549

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Công ty TNHH Tiếp vận DongBu Hải Minh**

Cung cấp dịch vụ	2.660.751.944	1.138.322.249
------------------	---------------	---------------

Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)

Cung cấp dịch vụ	-	
Chi phí dịch vụ đã sử dụng	16.955.337	
Lợi nhuận được chia	10.959.771.887	-

Công ty Cổ phần Hàng hải Hưng Phú

Cung cấp dịch vụ	-	1.654.818.182
Phí đại lý	-	188.550.001

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát		
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	1.400.000.000	-
Phải thu khác	3.045.083.227	2.350.000
Phải trả khác	609.045.217	383.445.217
Phải trả cước dịch vụ	2.549.000	12.078.150

Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh

Phải trả cước dịch vụ	513.870.000	268.800.000
	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>

Phải trả khác	762.203.592	555.903.592
Phải thu khác	9.904.906.187	7.623.254.549

Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh

Phải trả khác	67.700.000	-
---------------	------------	---

Công ty TNHH Tiếp vận DongBu Hải Minh

Phải thu khách hàng	3.081.821.368	1.206.996.872
Phải trả khác	140.000.000	140.000.000

Công ty Cổ phần Hàng hải Hưng Phú

Phải thu khách hàng	2.031.443.100	2.031.443.100
Phải trả cước dịch vụ	17.240.000	17.240.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong kỳ như sau:

	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</u>
Tiền lương, thưởng	692.400.000	681.400.000
Cộng	<u>692.400.000</u>	<u>681.400.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

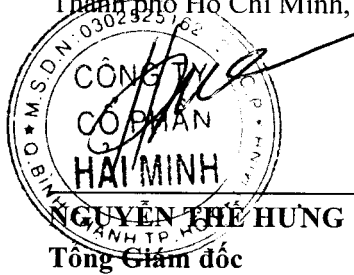
2. Giải trình Chênh lệch Doanh thu và lợi nhuận sau thuế :

Doanh thu quý 2/2016 giảm so với quý 2/2015 nguyên nhân do ảnh hưởng thị trường hàng hóa nội địa 6 tháng đầu năm trong nước giảm mạnh đã ảnh hưởng sụt giảm doanh thu hoạt động vận tải, do vậy lợi nhuận gộp cũng giảm so với cùng kỳ. Ngoài ra Doanh thu hoạt động tài chính tăng do các Đơn vị liên doanh liên kết chuyển về sớm hơn. Do đó lợi nhuận sau thuế tăng so với cùng kỳ.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2016

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cần phải được điều chỉnh và thuyết minh theo quy định của Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 7 năm 2016



NGUYỄN THÀNH VĂN
Kế toán trưởng

NGUYỄN THÀNH VĂN
Người lập biểu